UBND QUẬN DƯƠNG KINH
TRƯỜNG THCS HẢI THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 10 /QĐ- THCSHT

Hải Thành, ngày 10 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh phân công nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên
Học kỳ II năm học 2024 – 2025 (thực hiện từ tuần 19)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS HẢI THÀNH

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGD ĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường THCS,Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Bộ nội vụ, Bộ GD & ĐT hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Thông tư 28/2009/TT-BGD ĐT ngày 21/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông; Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 của Bộ Gd&ĐT về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ba hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT; Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ GD và ĐT ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

Căn cứ Công văn số 2475/SGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Lịch chỉ đạo thực hiện chương trình giáo dục Trung học năm học 2024-2025;

Căn cứ thực tế đội ngũ CBCC,VC; Quy chế làm việc, Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2024 - 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh phân công nhiệm vụ cho giáo viên trường THCS Hải Thành năm học 2024- 2025, cụ thể như sau:

(Có bảng phân công kèm theo)

Điều 2. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện nghiêm túc chức năng, nhiệm vụ đã được phân công;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Văn phòng nhà trường, các Ông (bà) có tên tại điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Mầu

ĐIỀU CHỈNH PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ GIÁO VIÊN

NĂM HỌC 2024 – 2025 (thực hiện từ tuần 19)

(Kèm theo Quyết định số ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THCS Hải Thành)

1. Tổ Khoa học tự nhiên:

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ	Số tiết
1	Bùi Hữu Doanh	CN7A1; Toán 6A1,7A1 (8t); KHTN 8A1,3,4 (12t); TTCM (3t)	26
2	Nguyễn Văn Tặng	CN8A3; Toán 8A3,4 (8t); CTCĐ(3t); TQ (3t); CN 7A1,2,3 (3t)	20
3	Cao Xuân Huy	Toán 7A5,6A4 (8t); CN 7A4,5 (2t); CN8(8t); CN 9 (3t)	21
4	Bùi Thị Xanh	KHTN 9AC (8 tiết); KHTN 6A2,3,4 (12 t)	20
5	Đặng Thị Như Băng	CN 8A1, HĐTN-HN 8A1(6t); Toán 8A1, 9A (8t); GDTC 8A3,4 (4t); GDTC 6A4 (2t)	20
6	Vũ Thanh Khiên	Tin 6,7,8,9 (16), GDTC 8A1,2(4t); PT CNTT(2t)	22
7	Trương Thị Bích Ngọc	GDTC 9 (6t); KHTN 7A1,2,3 (12t) TP (1t) ;	19
8	Đặng Hồng Ngọc	CN 9B, HĐTN-HN 9B(6t); Toán 9B,C (8t); con nhỏ (3t); TKHĐ (2t)	19
9	Vũ Thị Hoàng Yến	CN 7A2, HĐTN-HN 7A2(6t); Toán 7A2,4 (8t); KHTN 9B (4t); TTND (3t)	21
10	Vũ Thị Yến	KHTN 7A4.5 (8t); Tập sự (2 t); KHTN 6A1 (4t); GDCD 7A3,4 (2t); CN6A1,2,3,4 (4t)	20
11	Quách Văn Nhân	Toán 6A2,3,7A3 (12t); GDTC 6A1,2,3 (6t); hỗ trợ trang Web của trường (1t)	19

2. Tổ Khoa học xã hội:

STT	Họ và tên	NHIỆM VỤ	Số tiết
1	Bùi Thu Huê	CN 9A, HĐTN-HN 9A(6t); Văn 9A,8A1,2(12t); GDCD 8A1,2,3 (3t)	21
2	Phạm Thị Ngọc Tân	CN 8A4, HĐTN-HN 8A4 (6t); TA8A1,2,4; 7A5 (12t) ; GDCD 8A4 (1t)	19
3	Trần Thị Thu Thủy	CN 7A3, HĐTN-HN 7A3 (6t); TA 7A1,2,3, 8A3 (12t); TP (1t)	19
4	Dương Thị Minh Xuyên	CN 6A2, HĐTN-HN 6A2(6t); TA 9A, 6A2,3,4 (12t);	18
5	Trần Thị Thanh Phương	CN 7A4, HĐTN-HN 7A4 (6t); TA7A4; 6A1,9BC (12t); BDHS (1t)	19

6	Đoàn Thị Hoa	CN 6A1, HĐTN-HN 6A1 (6t) ; Văn 6A1, 7A1 (8t); TT (3t); GDĐP 9 (3t);	21
7	Nguyễn Thị Mai	TPT(9t); Văn 8A4 (4t); GDĐP 8 (4t); GDTC 7A1,2(4t)	21
8	Phạm Thị Bình	CN 6A4, HĐTN-HN 6A4 (6t) ; Văn 6A2,4 (8t); LS-ĐL 9 (phần địa) 4,5t, LS-ĐL8A1 (3t)	21,5
9	Đặng Thị Nhung	Văn 7A2,8A3 (8t); LS-ĐL 9 phần Sử (4,5t); GDCD 9(3t); LS-LSĐL7A3,5 (6t);	21,5
10	Mai Thị Hiền	CN 8A2, HĐTN-HN 8A2 (6t) ; MT6,7,8,9 (16t); CĐ (1t)	23
11	Lưu Văn Quân	ÂN 6,7,8,9 (16t); GDTC 7A3,4(4t)	20
12	Phạm Thị Thu Hằng	CN 9C, HĐTN-HN 9C (6t) ; Văn9BC (8t); GDĐP7 (5t)	19
13	Phạm Thị Hòa	Văn 6A3 (4t); GDĐP 6 (4t); LS-ĐL 6A3,4 (6T) con nhỏ (3 t); GDCD6(4t)	21
14	Đoàn Thị Phương Thảo	CN 7A5, HĐTN-HN 7A5 (6t) ; Văn 7A4,5 (8t); GDTC 7A5 (2t); GDCD 7A1,2,5 (3)	19
15	Nguyễn Thị Minh	CN 6A3, HĐTN-HN 6A3 (6t) **;** HĐTN 7A1, 8A3 (6t); LS-ĐL 8A2,3,4 (9t)	21
16	Phạm Thị Linh	LS-ĐL 6A1,2 (6t); LSĐL 7A1,2,4 (9t); Ngữ văn 7A3 (4t);	19